

Bản án số: 70/2019/HSST

Ngày 04/12/2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YK- TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Lực.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thanh Thu
2. Ông Nguyễn Văn Cương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện YK, T7 Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngoan, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YK, T7 Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2019/TLST-HS ngày 20/09/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HS ngày 04/11/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐXXST-HS ngày 19/11/2019 đối với các bị cáo:

1. M sinh năm 1968; tại xã KT, huyện YK, T7 Ninh Bình; trú tại xóm X, xã KT, huyện YK, T7 Ninh Bình; nghề nghiệp lao động T6 do; trình độ văn hóa 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông T (đã chết) và bà C (đã chết); chồng B (cũng là bị cáo trong vụ án) và có 03 con lớn nhất 27 tuổi, nhỏ nhất 19 tuổi; tiền sự không; tiền án không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/05/2019 đến ngày 06/06/2019 chuyển tạm giam, đến ngày 18/07/2019 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh; có mặt.

2. B sinh năm 1971; tại xã KT, huyện YK, T7 Ninh Bình; trú tại xóm X, xã KT, huyện YK, T7 Ninh Bình; nghề nghiệp lao động T6do; trình độ văn hóa 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông I (đã chết) và bà N; vợ M (cũng là bị cáo trong vụ án), và có 03 con lớn nhất 27 tuổi, nhỏ nhất 19 tuổi; tiền sự không; tiền án không; lịch sử bản thân năm 2010 bị Tòa án nhân dân T7 Ninh Bình xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” đến ngày 30/08/2013 được đặc xá; bị cáo đang bị tạm giữ từ ngày 28/05/2019 đến ngày 06/06/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an T7 Ninh Bình cho đến nay; có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Q1 sinh năm 1966; địa chỉ xóm 9, xã KM, huyện YK, T7 Ninh Bình; vắng mặt.
- Anh C2 sinh năm 1964; địa chỉ xóm 9, xã KM, huyện YK, T7 Ninh Bình; vắng mặt.
- Chị Đ3 sinh năm 1994; địa chỉ xóm 11, thôn Đ, xã KC, huyện YK, T7 Ninh Bình; vắng mặt.
- Chị T4 sinh năm 1971; địa chỉ xóm 2, thôn N, xã KC, huyện YK, T7 Ninh Bình; vắng mặt.
- Chị M5 sinh năm 1977; địa chỉ thôn 4, xã KT, huyện YK, T7 Ninh Bình; vắng mặt.
- Anh T6 sinh năm 1992; địa chỉ xóm 9, thôn N, xã KC, huyện YK, T7 Ninh Bình; vắng mặt.
- Anh T7 sinh năm 1978; địa chỉ xóm 5, thôn Đ, xã KC, huyện YK, T7 Ninh Bình; vắng mặt.
- Chị T8 sinh năm 1981; địa chỉ xóm 2, xã KT, huyện YK, T7 Ninh Bình; vắng mặt.
- Chị M9 sinh năm 1986; địa chỉ xóm X, xã KT, huyện YK, T7 Ninh Bình; vắng mặt.
- Ông H10 sinh năm 1956; địa chỉ xóm C, xã KT, huyện YK, T7 Ninh Bình; vắng mặt.
- Chị H11 sinh năm 1976; địa chỉ xóm 6, xã KM, huyện YK, T7 Ninh Bình; vắng mặt.
- Anh T12 sinh năm 1987; địa chỉ xóm 2, xã KT, huyện YK, T7 Ninh Bình; vắng mặt.
- Chị N13 sinh năm 1987; địa chỉ xóm 2, xã KT, huyện YK, T7 Ninh Bình; vắng mặt.
- Chị N14 sinh năm 1989; địa chỉ xóm P, xã KT, huyện YK, T7 Ninh Bình; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 20 phút ngày 28/5/2019, tại nhà chị Q1 ở xóm 9, xã KM, huyện YK. Công an huyện YK bắt quả tang, vợ chồng M và B đến thanh toán tiền nợ mà B và M cho chị Q1 vay. Thu giữ của M 01 điện thoại SamSung Galaxy A8 có 02 sim thuê bao gồm các số 0961352000 và số 0932252058; 01 giấy vay tiền của chị Q1; 01 giấy vay tiền của chị T4 ghi ngày 31/12/2018; 01 giấy vay tiền của chị M5 ghi ngày 05/3/2019; 01 chứng từ giao dịch với Ngân hàng nông nghiệp huyện YK; 01 quyển sổ ghi chép nhãn mác NOTE BOOK A5 có nội dung theo dõi hoạt động cho vay, thời gian vay, thu tiền lãi và mức lãi suất với nhiều người; 01 xe mô tô Honda Lead

biển kiểm soát 35B2- 553.44; 01 mô tô Honda SH 125i biển kiểm soát 35B2- 543.87 và số tiền 50.000.000 đồng mà gia đình chị Q1 vừa trả cho M.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của B và M, Công an đã thu giữ: 01 túi giả da màu nâu, 525.000.000 đồng; 01 quyển sổ bên ngoài có chữ Trường phổ thông trung học YKB; giấy vay tiền của chị M5, chị Đ3, anh T6, giấy hẹn trả tiền của chị Đ3; 02 tờ giấy kê ngang nhân hiệu Hải Tiến; 01 điện thoại SamSung Galaxy J6 có 02 sim thuê bao gồm các số 0945253055 và số 0968658788 của B, 01 cuốn sổ loại 120 trang bên trong có nội dung theo dõi hoạt động cho vay, thời gian vay, thu tiền lãi và mức lãi suất.

Quá trình điều tra xác định: Từ năm 2018 đến khi bị bắt, B và M đã cho 13 người vay tiền, với mức lãi suất thấp nhất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày, cao nhất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày và cứ 10 ngày cắt lãi một lần. Hành vi cho vay của M và B cụ thể như sau:

### **1. Cho chị Q1 vay:**

1.1. Tính từ ngày 11/11/2018 đến ngày 24/12/2018 âm lịch (tức ngày 17/12/2018 đến 29/01/2019 Dương lịch) là 44 ngày; chị Q1 vay 370.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày; tương ứng với 182,5%/năm, chị Q1 đã trả 88.800.000 đồng tiền lãi và 110.000.000 đồng tiền gốc.

- Tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $370.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 44 \text{ ngày} = 8.920.548 \text{ đồng}$ .

- Tiền thu lợi bất chính:  $88.800.000 \text{ đồng} - 8.920.548 \text{ đồng} = 79.879.452 \text{ đồng}$ .

1.2. Từ ngày 29/01/2019 dương lịch (tức ngày 24/12/2018 âm lịch), chị Q1 còn nợ tiền vay là 260.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày; đến ngày 28/5/2019 là 120 ngày, chị Q1 trả cho M, B 50.000.000 đồng tiền lãi.

- Tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $260.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 120 \text{ ngày} = 17.095.890 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lợi bất chính:  $50.000.000 \text{ đồng} - 17.095.890 \text{ đồng} = 32.904.110 \text{ đồng}$ .

**Như vậy**, Tổng số tiền chị Q1 vay là **370.000.000 đồng**; số tiền gốc đã trả là **110.000.000 đồng**; số tiền gốc chị Q1 còn nợ là **260.000.000 đồng**. Số tiền lãi M, B đã nhận của chị Q1 là **138.800.000 đồng**; tiền lãi tính theo mức 20%/năm là **26.016.438 đồng**; số tiền thu lợi bất chính là **112.783.517 đồng**.

### **2. Cho chị Đ3 vay:**

2.1. Từ ngày 05/12/2018 đến ngày 10/12/2018 âm lịch (Tức 10/01/2019 đến 15/01/2019 dương lịch) là 6 ngày, chị Đ3 vay 330.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày; chị Đ3 đã trả 10.000.000 đồng tiền lãi và 100.000.000 tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $330.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 06 \text{ ngày} = 1.084.931 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lợi bất chính:  $10.000.000 \text{ đồng} - 1.084.931 \text{ đồng} = 8.915.069 \text{ đồng}$ .

2.2. Từ ngày 10/12/2018 đến ngày 19/12/2018 âm lịch (tức ngày 15/01/2019 đến

24/01/2019 dương lịch) là 10 ngày, chi Đ3 nợ 230.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày; chi Đ3 đã trả 11.500.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $230.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 1.260.274 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $11.500.000 \text{ đồng} - 1.260.274 \text{ đồng} = 10.239.726 \text{ đồng}$ .

2.3. Từ ngày 13/3/2019 đến ngày 30/3/2019 âm lịch (tức ngày 17/4/2019 đến ngày 04/5/2019 dương lịch) là 18 ngày, chi Đ3 vay 150.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chi Đ3 đã trả 7.500.000 đồng tiền lãi và nợ tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $150.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 18 \text{ ngày} = 1.479.452 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $7.500.000 \text{ đồng} - 1.479.452 \text{ đồng} = 6.020.548 \text{ đồng}$ .

2.4. Từ ngày 14/3/2019 âm lịch (tức ngày 18/4/2019 dương lịch) chi Đ3 vay 120.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày. Từ 22/3/2019 âm lịch (tức ngày 26/4/2019 dương lịch) chi Đ3 vay 50.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày. Từ ngày 30/3/2019 âm lịch (tức ngày 04/5/2019 dương lịch) chi Đ3 vay 140.000.000 đồng.

Đến ngày 14/4/2019 âm lịch (tức ngày 18/5/2019 dương lịch), chi Đ3 đã trả 23.500.000 đồng tiền lãi và 150.000.000 đồng tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm) của 04 lần vay (tại các mục 2.3 và 2.4):

- + ) Từ ngày 04/5/2019 đến 18/5/2019 dương lịch là 15 ngày, tiền gốc là  $150.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 15 \text{ ngày} = 1.232.876 \text{ đồng}$ .

- + ) Từ ngày 18/4/2019 đến 18/5/2019 dương lịch là 31 ngày, tiền gốc là  $120.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày} = 2.038.356 \text{ đồng}$ .

- + ) Từ ngày 26/4/2019 đến 18/5/2019 dương lịch là 24 ngày, tiền gốc là  $50.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 24 \text{ ngày} = 657.534 \text{ đồng}$ .

- + ) Từ ngày 04/5/2019 đến 18/5/2019 dương lịch là 15 ngày, tiền gốc là  $140.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 15 \text{ ngày} = 1.150.684 \text{ đồng}$ .

- Tổng tiền lãi 20% của 4 lần vay là: 5.079.450 đồng.

- Tiền thu lời bất chính:  $23.500.000 \text{ đồng} - 5.079.450 \text{ đồng} = 18.420.550 \text{ đồng}$ .

2.5. Số tiền gốc còn nợ của 04 lần vay trên là: 310.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 14/4/2019 đến ngày 23/4/2019 âm lịch (tức ngày 18/5/2019 đến 27/5/2019 dương lịch) là 10 ngày, chi Đ3 trả 17.000.000 đồng tiền lãi và 200.000.000 đồng tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $310.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 1.698.630 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $17.000.000 \text{ đồng} - 1.698.630 \text{ đồng} = 15.301.370 \text{ đồng}$ .

2.6. Từ ngày 27/3/2019 đến ngày 06/4/2019 âm lịch (tức ngày 01/5/2019 đến 10/5/2019) là 10 ngày, chi Đ3 vay 60.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chi Đ3 đã trả 3.000.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):

60.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 10 ngày = 328.767 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 3.000.000 đồng - 328.767 đồng = 2.671.233 đồng.

2.7. Từ ngày 15/4/2019 đến ngày 19/4/2019 âm lịch (tức ngày 19/5/2019 đến 23/5/2019 dương lịch) là 5 ngày, chị Đ3 vay 100.000.000 đồng, lãi suất 7.000 đồng/triệu/ngày, chị Đ3 trả 3.500.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm): 100.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 5 ngày = 273.972 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 3.500.000 đồng - 273.972 đồng = 3.226.028 đồng.

**Như vậy**, Tổng số tiền gốc chị Đ3 đã vayM, Blà **1.180.000.000 đồng**; số tiền gốc đã trả **1.070.000.000 đồng**; số tiền gốc còn nợ là **110.000.000 đồng**. Số tiền lãiM, Bđã nhận của chị Đ3 là **76.000.000 đồng**; số tiền lãi tính theo mức 20%/năm là **11.205.476 đồng**; số tiền thu lợi bất chính là **64.794.524 đồng**.

### **3. Cho chị T4 vay:**

3.1. Từ ngày 31/12/2018 đến ngày 06/5/2019 dương lịch, là 127 ngày, chị T4 vay 50.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chị T4 đã trả 37.500.000 đồng tiền lãi, nợ lại số tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 50.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 127 ngày = 3.479.452 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 37.500.000 đồng - 3.479.452 đồng = 34.020.548 đồng.

3.2. Từ ngày 01/12/2018 đến ngày 19/12/2018 âm lịch (tức ngày 06/01/2019 đến ngày 24/01/2019 dương lịch) là 19 ngày, chị T4 vay 25.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chị T4 trả 2.500.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 25.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 19 ngày = 260.274 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 2.500.000 đồng - 260.274 đồng = 2.239.726 đồng.

3.3. Từ ngày 06/12/2018 đến ngày 15/12/2018 âm lịch (tức 11/01/2019 đến ngày 20/01/2019 dương lịch) là 10 ngày, chị T4 vay 65.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chị T4 đã trả 3.250.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 65.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 10 ngày = 356.164 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 3.250.000 đồng - 356.164 đồng = 2.893.836 đồng.

3.4. Từ ngày 14/12/2018 đến ngày 23/12/2018 âm lịch (tức 19/01/2019 đến 28/01/2019 dương lịch) là 10 ngày, chị T4 vay 25.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày; chị T4 trả 1.250.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 25.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 10 ngày = 136.986 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 1.250.000 đồng - 136.986 đồng = 1.113.014 đồng.

3.5. Từ ngày 03/02/2019 đến ngày 30/02/2019 âm lịch (tức ngày 8/03/2019 đến ngày 04/04/2019 dương lịch) là 28 ngày, chị T4 vay 25.000.000 đồng, lãi suất

5.000 đồng/triệu/ngày, chi T4 đã 3.750.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $25.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 28 \text{ ngày} = 383.561 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $3.750.000 \text{ đồng} - 383.561 \text{ đồng} = 3.366.439 \text{ đồng}$ .

3.6. Từ ngày 04/02/2019 đến ngày 01/3/2019 âm lịch (tức từ 09/3/2019 đến ngày 05/4/2019 dương lịch) là 28 ngày, chi T4 vay 25.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chi T4 đã trả 3.750.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $25.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 28 \text{ ngày} = 383.561 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $3.750.000 \text{ đồng} - 383.561 \text{ đồng} = 3.366.439 \text{ đồng}$ .

3.7. Từ ngày 02/02/2019 đến ngày 15/02/2019 âm lịch (tức ngày 7/3/2019 đến 20/3/2019 dương lịch) là 14 ngày, chi T4 vay 150.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chi T4 đã trả 11.250.000 đồng tiền lãi và trả 70.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 80.000.000 đồng tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $150.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 14 \text{ ngày} = 1.150.684 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $11.250.000 \text{ đồng} - 1.150.684 \text{ đồng} = 10.099.316 \text{ đồng}$ .

3.8. Từ ngày 15/02/2019 đến ngày 24/02/2019 âm lịch (tức ngày 20/3/2019 đến 29/3/2019 dương lịch) là 10 ngày, chi T4 còn nợ 80.000.000 đồng (tại mục 3.7), chi T4 trả 4.000.000 đồng tiền lãi và trả hết số tiền gốc là 80.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $80.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 438.356 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $4.000.000 \text{ đồng} - 438.356 \text{ đồng} = 3.561.644 \text{ đồng}$ .

3.9. Từ ngày 16/02/2019 đến ngày 04/3/2019 âm lịch (tức ngày 21/3/2019 đến ngày 08/4/2019 dương lịch) là 19 ngày, chi T4 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày chi T4 đã trả 2.000.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 19 \text{ ngày} = 208.219 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $2.000.000 \text{ đồng} - 208.219 \text{ đồng} = 1.791.781 \text{ đồng}$ .

3.10. Từ ngày 02/4/2019 đến ngày 11/4/2019 âm lịch (tức ngày 6/5/2019 đến 15/5/2019 dương lịch) là 10 ngày, chi T4 vay 40.000.000 đồng, cộng với tiền vay còn nợ 50.000.000 đồng (tại mục 3.1), tổng là 90.000.000 đồng và tính lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chi T4 đã trả 4.500.000 đồng tiền lãi và nợ tiền gốc là 90.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $90.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 493.150 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $4.500.000 \text{ đồng} - 493.150 \text{ đồng} = 4.006.850 \text{ đồng}$

3.11. Từ ngày 29/3/2019 đến ngày 17/4/2019 âm lịch (tức ngày 3/5/2019 đến ngày 21/5/2019 dương lịch) là 19 ngày, chi T4 vay 20.000.000 đồng, lãi suất

5.000 đồng/triệu/ngày, chị T4 đã trả 2.000.000 đồng tiền lãi và nợ tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 19 \text{ ngày} = 208.219 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $2.000.000 \text{ đồng} - 208.219 \text{ đồng} = 1.791.781 \text{ đồng}$ .

3.12. Từ ngày 06/4/2019 đến ngày 24/4/2019 âm lịch (tức ngày 10/5/2019 đến 28/5/2019 dương lịch) là 19 ngày, chị T4 vay 50.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chị T4 đã trả 5.000.000 đồng tiền lãi và nợ lại tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $50.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 19 \text{ ngày} = 520.547 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $5.000.000 \text{ đồng} - 520.547 \text{ đồng} = 4.479.453 \text{ đồng}$ .

3.13. Từ ngày 9/4/2019 đến ngày 18/4/2019 âm lịch (tức ngày 13/5/2019 đến ngày 22/5/2019 dương lịch) là 10 ngày, chị T4 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chị T4 đã trả 1.000.000 đồng tiền lãi và nợ số tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm):  $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 19 \text{ ngày} = 109.589 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $1.000.000 \text{ đồng} - 109.589 \text{ đồng} = 890.411 \text{ đồng}$ .

3.14. Ngày 18/4/2019 âm lịch (tức ngày 22/5 dương lịch) M, B cộng tất cả các khoản gốc còn nợ chưa thanh toán thành số tiền gốc là 180.000.000 đồng và tính lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày. Chị T4 đã trả được số tiền gốc là 70.000.000 đồng, còn nợ M, B số tiền 110.000.000 đồng.

**Như vậy, tổng số tiền gốc chị T4 đã vay 515.000.000 đồng; số tiền gốc đã trả là 405.000.000 đồng; số tiền gốc chị T4 còn nợ 110.000.000 đồng. Số tiền lãi M, B đã nhận của chị T4 là 81.750.000 đồng. Số tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 8.128.762 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 73.621.238 đồng**

#### **4. Cho chị M5 vay:**

4.1. Từ ngày 30/3/2019 đến ngày 09/4/2019 âm lịch (tức ngày 4/5/2019 đến ngày 13/5/2019 dương lịch) là 10 ngày, chị M5 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chị M5 đã trả 500.000 đồng tiền lãi và nợ số tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 54.794 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $500.000 \text{ đồng} - 54.794 \text{ đồng} = 445.206 \text{ đồng}$ .

4.2. Từ ngày 02/4/2019 đến ngày 15/4/2019 âm lịch (tức ngày 06/5/2019 đến ngày 19/5/2019 dương lịch) là 14 ngày, chị M5 vay 30.000.000 đồng cộng với 10.000.000 đồng còn nợ, tổng là 40.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày; chị M5 đã trả 3.000.000 đồng tiền lãi và nợ lại số tiền gốc 40.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm) của hai lần vay:

- + ) Từ ngày 06/5/2019 đến 19/5/2019 dương lịch là 14 ngày, vay 30.000.000 đồng  $\times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 14 \text{ ngày} = 230.136 \text{ đồng}$ .

+) Từ ngày 13/5/2019 đến 19/5/2019 dương lịch là 07 ngày, vay 10.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 07 ngày = 38.356 đồng.

Tổng tiền lãi của 20% là 268.492 đồng

- Tiền thu lời bất chính: 3.000.000 đồng - 268.492 đồng = 2.731.508 đồng.

4.3. Từ ngày 13/4/2019 đến ngày 10/5/2019 âm lịch (tức ngày 17/5/2019 đến ngày 12/6/2019 dương lịch) là 27 ngày, chị M5 vay 30.000.000 đồng (Mai cắt lãi trước là 10.500.000 đồng) nên chị M5 chỉ nhận 19.500.000 đồng cộng với 40.000.000 đồng còn nợ, thành tổng tiền vay là 70.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày. Coi như chị M5 đã trả 10.500.000 đồng tiền lãi, nợ tiền gốc là 70.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 70.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 27 ngày = 1.035.616 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 10.500.000 đồng - 1.035.616 đồng = 9.464.384 đồng.

4.4. Từ ngày 05/3/2019 đến ngày 24/3/2019 âm lịch (tức ngày 9/4/2019 đến ngày 28/4/2019 dương lịch) là 20 ngày, chị M5 vay 24.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (Mai cắt lãi trước số tiền 2.400.000 đồng) và đã hết gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất Q1 định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 24.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 20 ngày = 263.013 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 2.400.000 đồng - 263.013 đồng = 2.136.987 đồng.

**Như vậy, tổng số tiền gốc chị M5 vay là 94.000.000 đồng, số tiền gốc đã trả là 24.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ 70.000.000 đồng. Số tiền lãi M, B đã nhận của chị M5 là 16.400.000 đồng. Số tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 1.621.915 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 14.778.085 đồng**

## **5. Cho anh T6 vay:**

5.1. Từ ngày 29/11/2018 đến ngày 25/12/2018 âm lịch (tức ngày 04/1/2019 đến ngày 30/1/2019 dương lịch) là 27 ngày, anh T6 vay 60.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, anh T6 đã 9.000.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 60.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 27 ngày = 887.671 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 9.000.000 đồng - 887.671 đồng = 8.112.329 đồng.

5.2. Từ ngày 06/12/2018 đến ngày 24/12/2018 âm lịch (tức ngày 11/01/2019 đến ngày 29/01/2019 dương lịch) là 19 ngày, anh T6 vay 60.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, anh T6 đã trả 6.000.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 60.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 19 ngày = 624.657 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 6.000.000 đồng - 624.657 đồng = 5.375.343 đồng.

5.3. Từ ngày 25/3/2019 đến ngày 22/4/2019 âm lịch (tức ngày 29/4/2019 đến ngày 26/5/2019 dương lịch) là 28 ngày, anh T6 vay 150.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, anh T6 đã trả 22.500.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $150.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 28 \text{ ngày} = 2.301.370 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lợi bất chính:  $22.500.000 \text{ đồng} - 2.301.370 \text{ đồng} = 20.198.630 \text{ đồng}$ .

5.4. Từ ngày 04/4/2019 đến ngày 13/4/2019 âm lịch (tức ngày 08/5/2019 đến ngày 17/5/2019 dương lịch) là 10 ngày, anh T6 vay 110.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, anh T6 đã trả 5.500.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $110.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 602.739 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lợi bất chính:  $5.500.000 \text{ đồng} - 602.739 \text{ đồng} = 4.897.261 \text{ đồng}$ .

5.5. Từ ngày 05/4/2019 đến ngày 24/4/2019 âm lịch (tức ngày 9/5/2019 đến ngày 28/5/2019 dương lịch) là 20 ngày, anh T6 vay 45.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, anh T6 đã trả 4.500.000 đồng tiền lãi và nợ tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $45.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 20 \text{ ngày} = 493.150 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lợi bất chính:  $4.500.000 \text{ đồng} - 493.150 \text{ đồng} = 4.006.850 \text{ đồng}$ .

**Như vậy, Tổng số tiền gốc anh T6 vay là 425.000.000 đồng; số tiền gốc đã trả là 380.000.000 đồng; số tiền gốc còn nợ là 45.000.000 đồng. Số tiền lãi M, B đã nhận của anh T6 là 47.500.000 đồng. Số tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 4.909.587 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 42.590.413 đồng.**

## **6. Cho anh T7 vay:**

6.1. Từ ngày 06/11/2018 đến ngày 20/5/2019 dương lịch, là 196 ngày, anh T7 vay 80.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày. Anh T7 đã trả tiền lãi bằng cách đã chuyển khoản qua tài khoản 3306205109109 cho M 15.000.000 đồng vào ngày 04/3/2019 và ngày 26/3/2019 và trực tiếp trả cho M 25.000.000 đồng tại nhà M, ngày 20/5/2019 anh T7 chuyển khoản 5.000.000 đồng cho M. Tổng tiền lãi đã trả là 45.000.000 đồng; chưa trả tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $80.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 196 \text{ ngày} = 8.591.780 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lợi bất chính:  $45.000.000 \text{ đồng} - 8.591.780 \text{ đồng} = 36.408.220 \text{ đồng}$ .

**Như vậy, Tổng số tiền gốc anh T7 vay là 80.000.000 đồng; số tiền gốc còn nợ là 80.000.000 đồng. Số tiền lãi M, B đã nhận của anh T7 là 45.000.000 đồng. Số tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 8.591.780 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 36.408.220 đồng.**

## **7. Cho chị T8 vay:**

7.1. Từ ngày 2/4/2019 đến ngày 11/4/2019 âm lịch (tức ngày 6/5/2019 đến ngày 15/5/2019 dương lịch) là 10 ngày, chị T8 vay 100.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chị T8 đã cắt lãi trước là 5.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 547.945 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $5.000.000 - 547.945 = 4.452.055$  đồng.

7.2. Từ ngày 11/4/2019 đến ngày 20/4/2019 âm lịch (tức ngày 15/5/2019 đến ngày 24/5/2019 dương lịch) là 10 ngày, số tiền gốc còn nợ là 100.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chị T8 đã trả 5.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 547.945$  đồng;

- Tiền thu lời bất chính:  $5.000.000 - 547.945 = 4.452.055$  đồng.

**Như vậy**, số tiền gốc chị T8 đã vay là **100.000.000 đồng**, số tiền gốc còn nợ là **100.000.000 đồng**. Số tiền lãi M, B đã nhận của chị T8 là **10.000.000 đồng**. Số tiền lãi tính theo mức 20%/năm là **1.095.890 đồng**. Số tiền thu lợi bất chính là **8.904.110 đồng**.

### 8. Cho chị M9 vay:

8.1. Từ ngày 20/11/2018 đến ngày 26/12/2018 âm lịch (tức ngày 26/12/2018 đến ngày 31/1/2019 dương lịch) là 37 ngày, chị M9 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/triệu/ngày, chị M9 đã trả 8.000.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 37 \text{ ngày} = 405.479$  đồng;

- Tiền thu lời bất chính:  $8.000.000 \text{ đồng} - 405.479 \text{ đồng} = 7.594.521$  đồng.

8.2. Từ ngày 21/11/2018 đến ngày 19/12/2018 âm lịch (tức ngày 27/12/2018 đến ngày 24/1/2019 dương lịch) là 29 ngày, chị M9 vay 30.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chị M9 đã trả 4.500.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 29 \text{ ngày} = 476.712$  đồng;

- Tiền thu lời bất chính:  $4.500.000 \text{ đồng} - 476.712 \text{ đồng} = 4.023.288$  đồng.

8.3. Từ ngày 04/12/2018 đến ngày 22/12/2018 âm lịch (tức ngày 09/1/2019 đến 27/1/2019 dương lịch) là 19 ngày, chị M9 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 7.000 đồng/triệu/ngày, chị M9 đã trả 1.400.000 đồng tiền lãi và trả hết gốc

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm):  $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 19 \text{ ngày} = 104.109$  đồng;

- Tiền thu lời bất chính:  $1.400.000 \text{ đồng} - 104.109 \text{ đồng} = 1.295.891$  đồng.

8.4. Từ ngày 07/2/2019 âm lịch đến nay (tức ngày 12/3/2019 dương lịch đến nay) chị M9 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày. Chị M9 chưa trả tiền lãi và chưa trả tiền gốc.

**Như vậy**, Tổng số tiền vay **80.000.000 đồng**, số tiền gốc đã trả **60.000.000 đồng**, số tiền gốc còn nợ **20.000.000 đồng**. Số tiền lãi M, B đã nhận của chị M9 là **13.900.000 đồng**. Số tiền lãi tính theo mức 20%/năm là **986.300 đồng**. Số tiền thu lợi bất chính là **12.913.700 đồng**.

### 9. Cho ông H10 vay:

9.1. Từ ngày 21/1/2019 đến ngày 30/1/2019 âm lịch (tức ngày 25/2/2019 đến ngày 6/3/2019 dương lịch) là 10 ngày, ông H10 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, ông H10 đã trả 300.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 54.794 \text{ đồng}$ ;

- Tiền lãi thu lời bất chính:  $300.000 \text{ đồng} - 54.794 \text{ đồng} = 245.206 \text{ đồng}$ .

9.2. Từ ngày 23/1/2019 đến ngày 11/2/2019 âm lịch (tức ngày 27/2/2019 đến ngày 16/3/2019 dương lịch) là 18 ngày, ông H10 vay 15.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, ông H10 đã trả 900.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $15.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 18 \text{ ngày} = 147.945 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $900.000 \text{ đồng} - 147.945 \text{ đồng} = 752.055 \text{ đồng}$ .

9.3. Từ ngày 07/2/2019 đến ngày 25/2/2019 âm lịch (tức ngày 12/3/2019 đến ngày 30/3/2019 dương lịch) là 19 ngày, ông H10 vay 25.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, ông H10 đã trả 1.500.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $25.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 19 \text{ ngày} = 260.274 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi thu lời bất chính:  $1.500.000 \text{ đồng} - 260.274 \text{ đồng} = 1.239.726 \text{ đồng}$ .

9.4. Từ ngày 19/2/2019 đến ngày 27/4/2019 âm lịch (tức ngày 24/3/2019 đến ngày 31/5/2019 dương lịch) là 69 ngày, ông H10 vay 25.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày; ông H10 đã trả 6.000.000 đồng tiền lãi và nợ lại tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $25.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 69 \text{ ngày} = 945.205 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $6.000.000 \text{ đồng} - 945.205 \text{ đồng} = 5.054.795 \text{ đồng}$ .

**Như vậy, Tổng số tiền gốc ông H10 vay 75.000.000 đồng, số tiền gốc đã trả 50.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ 25.000.000 đồng. Số tiền lãi M, B đã nhận là 8.700.000 đồng. Số tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 1.408.218 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là: 7.291.782 đồng.**

#### **10. Cho chị H11 vay:**

10.1. Từ ngày 01/4/2018 đến ngày 30/12/2018 âm lịch (tức ngày 15/5/2018 đến ngày 04/2/2019 dương lịch) là 266 ngày, chị H11 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày; chị H11 đã trả 13.500.000 đồng tiền lãi và nợ lại tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 266 \text{ ngày} = 1.457.534 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $13.500.000 \text{ đồng} - 1.457.534 \text{ đồng} = \mathbf{12.042.466 \text{ đồng}}$ .

10.2. Từ ngày 01/1/2019 đến ngày 24/4/2019 âm lịch (tức ngày 6/2/2019 đến ngày 28/5/2019 dương lịch) là 113 ngày, chị H11 nợ tiền gốc là 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chị H11 trả 2.500.000 đồng tiền lãi và nợ tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 113 \text{ ngày} = 619.178 \text{ đồng}$ ;
- Tiền thu lời bất chính:  $2.500.000 \text{ đồng} - 619.178 \text{ đồng} = \mathbf{1.880.822 \text{ đồng}}$ .

**Như vậy**, số tiền gốc chị H11 đã vay là **10.000.000 đồng**, số tiền gốc chưa trả là **10.000.000 đồng**. Số tiền lãi chị H11 đã trả là **16.000.000 đồng**. Số tiền lãi tính theo mức 20%/năm là **2.076.712 đồng**. Số tiền thu lợi bất chính là **13.923.288 đồng**.

### **11. Cho chị N13 vay:**

11.1. Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 30/12/2018 âm lịch (tức ngày 20/1/2019 đến ngày 04/2/2019 dương lịch) là 16 ngày, chị N13 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày; chị N13 đã trả 1.500.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 16 \text{ ngày} = 175.342 \text{ đồng}$ ;
- Tiền thu lời bất chính:  $1.500.000 \text{ đồng} - 175.342 \text{ đồng} = 1.324.658 \text{ đồng}$ .

11.2. Từ ngày 11/3/2019 đến ngày 08/4/2019 âm lịch (tức ngày 15/4/2019 đến ngày 12/5/2019 dương lịch) là 28 ngày, chị N13 vay 40.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chị N13 đã trả 6.000.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $40.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 28 \text{ ngày} = 613.698 \text{ đồng}$ ;
- Tiền thu lời bất chính:  $6.000.000 \text{ đồng} - 613.698 \text{ đồng} = 5.386.302 \text{ đồng}$ .

11.3. Từ ngày 15/3/2019 đến ngày 03/4/2019 âm lịch (tức 19/4/2019 đến ngày 7/5/2019 dương lịch) là 19 ngày, chị N13 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, chị N13 đã trả 2.000.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 19 \text{ ngày} = 208.219 \text{ đồng}$ ;
- Tiền thu lời bất chính:  $2.000.000 \text{ đồng} - 208.219 \text{ đồng} = 1.791.781 \text{ đồng}$ .

11.4. Từ ngày 03/4/2019 đến ngày 12/4/2019 âm lịch (tức ngày 7/5/2019 đến ngày 16/5/2019 dương lịch), chị N13 vay 30.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày; là 10 ngày, chị N13 đã trả 1.500.000 đồng tiền lãi và nợ tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 164.383 \text{ đồng}$ ;
- Tiền thu lời bất chính:  $1.500.000 \text{ đồng} - 164.383 \text{ đồng} = 1.335.617 \text{ đồng}$ .

11.5. Từ ngày 9/4/2019 đến 18/4/2019 âm lịch (tức ngày 13/5/2019 đến 22/5/2019 dương lịch), chị N13 vay 50.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày; là 10 ngày, chị N13 đã trả 2.500.000 đồng tiền lãi và nợ tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm):  $50.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 273.972 \text{ đồng}$ ;
- Tiền thu lời bất chính:  $2.500.000 \text{ đồng} - 273.972 \text{ đồng} = 2.226.028 \text{ đồng}$ .

**Như vậy**, tổng tiền gốc chị N13 vay là **160.000.000 đồng**; số tiền gốc đã trả là **80.000.000 đồng**; số tiền gốc còn nợ là **80.000.000 đồng**. Số tiền lãi chị N13 đã trả

là **13.500.000 đồng**. Số tiền lãi tính theo mức 20%/năm là **1.435.614 đồng**. Số tiền thu lợi bất chính là **12.064.386 đồng**.

### **12) Cho anh T12 vay:**

12.1. Từ ngày 20/3/2019 đến ngày 29/3/2019 âm lịch (tức ngày 24/4/2019 đến ngày 03/5/2019 dương lịch) là 10 ngày, anh T12 vay 6.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, anh T12 đã trả 300.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $6.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 32.876 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lợi bất chính:  $300.000 \text{ đồng} - 32.876 \text{ đồng} = \mathbf{267.124 \text{ đồng}}$ .

Như vậy, số tiền gốc anh T12 vay là **6.000.000 đồng**; số tiền gốc đã trả là **6.000.000 đồng**. Số tiền lãi M, B đã nhận là **300.000 đồng**. Số tiền lãi tính theo mức 20%/năm là **32.876 đồng**. Số tiền thu lợi bất chính là **267.124 đồng**.

### **13. Cho chị N14 vay:**

13.1. Từ ngày 04/12/2018 đến ngày 22/12/2018 âm lịch (tức ngày 9/1/2019 đến ngày 27/1/2019 dương lịch) là 19 ngày, chị N14 vay 25.000.000 đồng; lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, chị N14 đã trả 1.500.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $25.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 19 \text{ ngày} = 260.274 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lợi bất chính:  $1.500.000 \text{ đồng} - 260.274 \text{ đồng} = 1.239.726 \text{ đồng}$ .

13.2. Từ ngày 14/11/2018 đến ngày 22/12/2018 âm lịch (tức 20/12/2018 đến ngày 27/1/2019 dương lịch) là 39 ngày, chị N14 vay 15.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, chị N14 đã trả 1.800.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $15.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 39 \text{ ngày} = 320.548 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lợi bất chính:  $1.800.000 \text{ đồng} - 320.548 \text{ đồng} = 1.479.452 \text{ đồng}$ .

13.3. Từ ngày 20/3/2019 đến ngày 17/4/2019 âm lịch (tức ngày 24/4/2019 đến ngày 21/5/2019 dương lịch) là 28 ngày, chị N14 vay 40.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, chị N14 đã trả 4.800.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $40.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 28 \text{ ngày} = 613.698 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lợi bất chính:  $4.800.000 \text{ đồng} - 613.698 \text{ đồng} = 4.186.302 \text{ đồng}$ .

13.4. Từ ngày 19/3/2019 đến ngày 28/3/2019 âm lịch (tức ngày 23/4/2019 đến ngày 02/5/2019 dương lịch) là 10 ngày, chị N14 vay 30.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, chị N14 đã trả 1.200.000 đồng tiền lãi và nợ lại tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm):  $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 164.383 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lợi bất chính:  $1.200.000 \text{ đồng} - 164.383 \text{ đồng} = 1.035.617 \text{ đồng}$ .

13.5. Từ ngày 28/3/2019 đến ngày 06/4/2019 âm lịch (tức ngày 02/05/2019 đến ngày 10/05/2019 dương lịch), là 10 ngày, chị N14 vay 30.000.000 đồng, lãi suất

4.000 đồng/triệu/ngày, chị N14 đã trả 1.200.000 đồng tiền lãi và nợ tiền gốc

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 164.383 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $1.200.000 \text{ đồng} - 164.383 \text{ đồng} = 1.035.617 \text{ đồng}$ .

13.6. Từ ngày 06/4/2019 đến ngày 24/4/2019 âm lịch (tức ngày 10/5/2019 đến ngày 28/5/2019 dương lịch) là 19 ngày, M, B cộng số tiền gốc 02 khoản nợ gốc trên thành số tiền 60.000.000 đồng và tính lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, chị N14 đã trả 4.800.000 đồng tiền lãi và nợ tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm), do thời gian vay khác nhau nên tính như sau:

- +) Từ ngày 02/5/2019 đến ngày 28/5/2019 dương lịch là 27 ngày, số tiền gốc còn nợ  $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 27 \text{ ngày} = 443.835 \text{ đồng}$ ;

- +) Từ ngày 10/5/2019 đến ngày 28/5/2019 dương lịch là 19 ngày, số tiền gốc còn nợ  $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 19 \text{ ngày} = 312.328 \text{ đồng}$ ;

Tổng tiền lãi 20% là 756.163 đồng.

- Tiền thu lời bất chính:  $4.800.000 \text{ đồng} - 756.163 \text{ đồng} = 4.043.837 \text{ đồng}$ .

13.7. Từ ngày 07/4/2019 đến ngày 04/5/2019 âm lịch (tức ngày 11/5/2019 đến ngày 6/6/2019 dương lịch) là 27 ngày, chị N14 vay 30.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, chị N14 đã trả 3.600.000 đồng tiền lãi và trả hết tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm):  $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 27 \text{ ngày} = 443.835 \text{ đồng}$ ;

- Tiền thu lời bất chính:  $3.600.000 \text{ đồng} - 443.835 \text{ đồng} = 3.156.165 \text{ đồng}$ .

**Như vậy, tổng số tiền chị N14 đã vay là 170.000.000 đồng; số tiền gốc đã trả là 110.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ lại 60.000.000 đồng. Số tiền lãi M, B đã nhận là 18.900.000 đồng. Số tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 2.723.284 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 16.176.716 đồng.**

Cáo trạng số 56/CT-VKSYK ngày 20/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YK truy tố các bị cáo M và bị cáo B ra trước Tòa án nhân dân huyện YK để xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bày lời luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo M và bị cáo B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 201; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật Hình đối với bị cáo M: Xử phạt bị cáo B từ 15 tháng đến 18 tháng tù; xử phạt bị cáo M từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng. Phạt bổ sung bị cáo M và bị cáo B mỗi bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc vợ chồng M, B phải trả lại tiền lãi thu lợi bất chính cho những người liên quan gồm: Trả lại cho chị Q1 số tiền lãi đã nhận là

112.783.517 đồng (trong đó có 32.904.110 đồng đang bị thu giữ) vợ chồng M, B còn phải trả tiếp tiền lãi còn lại cho chị Q1 là 79.879.407 đồng. Trả lại cho chị Đ3 số tiền lãi đã nhận là 64.794.524 đồng. Trả lại cho chị T4 số tiền lãi đã nhận là 73.621.238 đồng. Trả lại cho chị M5 số tiền lãi đã nhận là 14.778.085 đồng. Trả lại cho anh T6 số tiền lãi đã nhận là 42.590.413 đồng. Trả lại cho anh T7 số tiền lãi đã nhận là 36.408.220 đồng. Trả lại cho chị T8 số tiền lãi đã nhận là 8.904.110 đồng. Trả lại cho chị M9 số tiền lãi đã nhận là 12.913.700 đồng. Trả lại cho ông H10 số tiền lãi đã nhận là 7.291.782 đồng. Trả lại cho chị H11 số tiền lãi đã nhận là 13.923.288 đồng. Trả lại cho chị N13 số tiền lãi đã nhận là 12.064.386 đồng. Trả lại cho anh T12 số tiền lãi đã nhận là 267.124 đồng. Trả lại cho chị N14 số tiền lãi đã nhận là 16.176.716 đồng.

- Về biên pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho vợ chồng M và B gồm “01 xe mô tô Lead biển kiểm soát 35B2-553.44; 01 túi giả da màu nâu và số tiền 525.000.000 đồng” nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước của vợ chồng M, B gồm “01 điện thoại Samsung Galaxy J6; 01 điện thoại Samsung Galaxy A8; riêng 04 sim điện thoại được lắp trong hai điện thoại gồm sim thuê bao các số 0945253055, 0968658788, 0964352000 và 0932252058” thì tịch thu tiêu hủy. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền lãi M, B đã nhận của chị Q1 và đang bị thu giữ là 17.095.890 đồng. Trả lại cho chị Q1 số tiền lãi thu giữ của bị cáo M là 32.904.110 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền gốc mà vợ chồng M, B đã cho vay là 3.265.000.000 đồng (trong đó số tiền cho vay vợ chồng M, B đã lấy về là 2.295.000.000 đồng. Số tiền cho vay những người vay còn đang nợ chưa trả là chị Q1 là 260.000.000 đồng, chị Đ3 là 110.000.000 đồng, chị T4 là 110.000.000 đồng, chị M5 là 70.000.000 đồng, anh T6 là 45.000.000 đồng, anh T7 là 80.000.000 đồng, chị T8 là 100.000.000 đồng, chị M9 là 20.000.000 đồng, ông H10 là 25.000.000 đồng, chị H11 là 10.000.000 đồng, chị N13 là 80.000.000 đồng, chị N14 là 60.000.000 đồng) và tiền lãi 20% mà vợ chồng M, B đã nhận của những người vay là 70.232.897 đồng (trong đó số tiền đã bị thu giữ là 17.095.890 đồng).

- Các bị cáo M và bị cáo B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo Q1 định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo M và B đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của Cáo trạng là đúng. Nói lời sau cùng các bị cáo nhận thấy việc làm của mình là sai, các bị cáo rất ăn năn hối cải. Bị cáo B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về chăm sóc mẹ già; bị cáo M đề nghị do hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay khó khăn, chồng đang bị tạm giam, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo đang phải nuôi mẹ chồng già yếu, nên bị cáo xin được Hội đồng xét xử cho hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, những người liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án về thời gian, hành vi của các bị cáo, vật chứng đã thu giữ nên có đủ cơ sở khẳng định:

Trong thời gian từ cuối năm 2018 đến ngày 28/5/2019 vợ chồng B, M đã cho 13 người gồm chị Q1, chị Đ3, chị T4, chị M5, anh T6, anh T7, chị T8, chị M9, ông H10, chị H11, chị N13, anh T12 và chị N14 vay tổng số tiền là 3.265.000.000 đồng; số tiền gốc B và M đã nhận về là 2.295.000.000 đồng; số tiền gốc những người vay còn nợ chưa trả cho vợ chồng M, B là 970.000.000 đồng (gồm chị Q1 còn nợ 260.000.000 đồng, chị Đ3 còn nợ 110.000.000 đồng, chị T4 còn nợ 110.000.000 đồng, chị M5 còn nợ 70.000.000 đồng, anh T6 còn nợ 45.000.000 đồng, anh T7 còn nợ 80.000.000 đồng, chị T8 còn nợ 100.000.000 đồng, chị M9 còn nợ 20.000.000 đồng, ông H10 còn nợ 25.000.000 đồng, chị H11 còn nợ 10.000.000 đồng, chị N13 còn nợ 80.000.000 đồng, chị N14 còn nợ 60.000.000 đồng).

Tổng số tiền lãi vợ chồng B, M đã nhận là 486.750.000 đồng; số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 20% là 70.232.897 đồng; tiền lãi thu lời bất chính là 416.517.103 đồng.

Với lãi suất vợ chồng B, M cho vay thấp nhất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày (tương đương mức lãi suất 109,5%/năm), cao nhất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày (tương đương mức lãi suất 365%/năm). Theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định về lãi suất cho vay “Trường hợp các bên các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay”; như vậy mức lãi suất vợ chồng B, M cho những người liên quan vay nêu trên đều gấp trên 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Hành vi cho vay với lãi suất gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính 416.517.103 đồng của các bị cáo B, M là trái pháp luật; đã xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước về lãi suất cho vay, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trọng giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện YK truy tố các bị cáo B và bị cáo M về tội “Cho vay lãi nặng trọng giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo B và bị cáo M đều không có tình tiết tăng nặng.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo B và bị cáo M đều “tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Từ những tình tiết nêu trên, thấy rằng: B và M là vợ chồng, tiền B và M cho vay là tài sản chung của vợ chồng, cả hai vợ chồng B và M cùng thống nhất cho vay; do vậy B và M đều giữ vai trò ngang nhau trong vụ án, nên cần áp dụng hình phạt tù đối với cả hai bị cáo, có như vậy với có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

Xét bị cáo M có nhân thân tốt, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm vào tội ít nghiêm trọng, cả hai bị cáo đều là vợ chồng, có nơi cư trú rõ ràng và đang phải nuôi mẹ chồng già yếu; do vậy xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo M chấp hành hình phạt tù, mà căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo, điều này thể hiện sự nhân đạo của pháp luật của Nhà nước đối với bị cáo M.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Về số tiền lãi vượt quá 20% mà B và M đã nhận của những người vay, buộc vợ chồng B và M phải hoàn trả lại gồm:

- Trả lại cho chị Q1 số tiền lãi đã nhận là 112.783.517 đồng; trong đó có 32.904.110 đồng đang bị thu giữ và trả lại cho chị Q1, nên vợ chồng B, M còn phải trả tiếp tiền lãi còn lại cho chị Q1 là 79.879.407 đồng.

- Trả lại cho chị Đ3 số tiền lãi đã nhận là 64.794.524 đồng.

- Trả lại cho chị M5 số tiền lãi đã nhận là 14.778.085 đồng.

- Trả lại cho chị T4 số tiền lãi đã nhận là 73.621.238 đồng; B và M đã tự nguyện trả lại đủ số tiền lãi cho chị Thúy, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Trả lại cho anh T6 số tiền lãi đã nhận là 42.590.413 đồng; B và M đã tự nguyện trả lại đủ số tiền lãi cho anh T6, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Trả lại cho anh T7 số tiền lãi đã nhận là 36.408.220 đồng; B và M đã tự nguyện trả lại đủ số tiền lãi cho anh T7, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Trả lại cho chị T8 số tiền lãi đã nhận là 8.904.110 đồng; B và M đã tự nguyện trả lại đủ số tiền lãi cho chị T8, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Trả lại cho chị M9 số tiền lãi đã nhận là 12.913.700 đồng; B và M đã tự nguyện trả lại đủ số tiền lãi cho chị M9, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Trả lại cho ông H10 số tiền lãi đã nhận là 7.291.782 đồng; B và M đã tự nguyện trả lại đủ số tiền lãi cho ông H10, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Trả lại cho chị H11 số tiền lãi đã nhận là 13.923.288 đồng; B và M đã tự nguyện trả lại đủ số tiền lãi cho chị H11, nên Tòa án không xem xét giải quyết..

- Trả lại cho chị N13 số tiền lãi đã nhận là 12.064.386 đồng; B và M đã tự nguyện trả lại đủ số tiền lãi cho chị N13, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Trả lại cho anh T12 số tiền lãi đã nhận là 267.124 đồng; B và M đã tự nguyện trả lại đủ số tiền lãi của anh T12 cho chị N13, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Trả lại cho chị N14 số tiền lãi đã nhận là 16.176.716 đồng, B và M đã tự nguyện trả lại đủ số tiền lãi cho chị Ngoan, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về biên pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ của vợ chồng B và M gồm “01 xe mô tô SH biển kiểm soát 35B2-543.87; 01 xe mô tô Lead biển kiểm soát 35B2-553.44; 01 điện thoại Samsung Galaxy A8 có 02 sim thuê bao gồm các số 0964352000 và 0932252058 của M; 01 điện thoại Samsung Galaxy J6 có 02 sim thuê bao gồm các số 0945253055 và 0968658788 của B; 01 túi giả da màu nâu và tổng số tiền là 575.000.000 đồng”.

- Đối với xe mô tô SH biển kiểm soát 35B2-543.87 quá trình điều tra xác định, đây là tài sản của bị cáo M, không có liên quan đến vụ án, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo M.

- Đối với xe mô tô Lead biển kiểm soát 35B2-553.44, 01 túi giả da màu nâu; quá trình điều tra xác định, đây là tài sản của bị cáo M, không có liên quan đến vụ án, nên đã trả lại cho bị cáo M.

- Đối với chiếc 02 điện thoại 01 điện thoại Samsung Galaxy J6 có hai sim thuê bao số 0945253055 và 0968658788; 01 điện thoại Samsung Galaxy A8 có 02 sim thuê bao gồm các số 0964352000 và 0932252058 của M và B các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 575.000.000 đồng gồm: 525.000.000 đồng thu giữ tại nhà B, M số tiền này là tiền của vợ chồng B, M không có liên quan đến vụ án nên trả lại cho vợ chồng B, M. Số tiền 50.000.000 đồng thu của M tại nhà chị Q1 đây là tiền lãi chị Q1 trả cho vợ chồng B, M trong đó có khoản tiền lãi hợp pháp là 17.095.890 đồng, nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, số tiền lãi còn lại là 32.904.110 đồng là tiền lãi không hợp pháp nên trả lại cho chị Q1.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền gốc mà vợ chồng B và M đã cho vay là 3.265.000.000 đồng (trong đó số tiền cho vay vợ chồng B, M đã lấy về là 2.295.000.000 đồng. Số tiền cho vay những người vay còn đang nợ chưa trả gồm chị Q1 là 260.000.000 đồng, chị Đ3 là 110.000.000 đồng, chị T4 là 110.000.000 đồng, chị M5 là 70.000.000 đồng, anh T6 là 45.000.000 đồng, anh T7 là 80.000.000 đồng, chị T8 là 100.000.000 đồng, chị M9 là 20.000.000 đồng, ông H10 là 25.000.000 đồng, chị H11 là 10.000.000 đồng, chị N13 là 80.000.000 đồng, chị N14 là 60.000.000 đồng) và tiền lãi 20% mà vợ chồng B, M đã nhận của những người vay là 70.232.897 đồng, trừ đi số tiền đã bị thu giữ là 17.095.890 đồng, vợ chồng B, M còn phải nộp là 53.137.007 đồng.

[7] Về án phí:

- Án phí hình: Các bị cáo B và M đều bị xử có tội, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng B, M phải trả lại cho chị Q1 số tiền là 79.879.407 đồng nên phải chịu 3.993.000 đồng án phí; trả lại cho chị Đ3 số tiền là 64.794.524 đồng nên phải chịu 3.239.000 đồng án phí; trả lại cho chị M5 số tiền là 14.778.085 đồng nên phải chịu 738.000 đồng án phí.

***Vì các lẽ trên;***

### **Q1ẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố các bị cáo B và M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 201; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với M.

#### ***Xử phạt:***

- B 15 (mười lăm) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 28/05/2019. Phạt bổ sung 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- M 15 (mười lăm) tháng tù; nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Giao bị cáo M cho Ủy ban nhân dân xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo; gia đình bị cáo M có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo tự định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, M cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc M phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; buộc vợ chồng B và M phải hoàn trả lại tiền lãi thu lời bất chính cho những người vay gồm.

- Trả lại cho chị Q1 số tiền lãi đã nhận 79.879.407 đồng (bảy chín triệu tám trăm chín bảy nghìn bốn trăm linh bảy đồng).

- Trả lại cho chị Đ3 số tiền lãi đã nhận là 64.794.524 đồng (sáu tư triệu bảy trăm chín tư nghìn năm trăm hai bốn đồng)

- Trả lại cho chị M5 số tiền lãi đã nhận là 14.778.085 đồng (mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám lăm đồng).

Kể từ ngày chị Q1, chị Đ3 và chị M5 có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền vợ chồng B và M phải trả cho chị Q1, chị Đ3 và chị M5 cho đến khi thi hành án xong, H11 tháng vợ chồng B, M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được tự định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho vợ chồng B và M gồm: 01 xe mô tô Lead biển kiểm soát 35B2-553.44; 01 túi giả da màu nâu và số tiền 525.000.000 đồng (năm trăm hai lăm triệu đồng). Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước của vợ chồng B, M gồm: 01 điện thoại Samsung Galaxy J6; 01 điện thoại Samsung Galaxy A8. Riêng 04 sim điện thoại được lắp trong hai điện thoại, gồm sim thuê bao số 0945253055, 0968658788, 0964352000 và 0932252058 thì tịch thu tiêu hủy.

Toàn bộ vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/9/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YK với Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi B và M đã nhận của chị Q1 và đang bị thu giữ là 17.095.890 đồng.

- Trả lại cho chị Q1 số tiền lãi thu giữ của bị cáo M là 32.904.110 đồng (ba hai triệu chín trăm linh bốn nghìn một trăm mười đồng); nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Toàn bộ số tiền đang trong tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, số tài khoản 3949.0.1055132.00000 tại Kho bạc Nhà nước huyện YK, theo ủy nhiệm chi số 26 ngày 24/9/2019 của Công an huyện YK.

- Buộc vợ chồng B và M phải nộp số tiền sử dụng vào việc cho vay mà vợ chồng B, M đã lấy về là 2.295.000.000 đồng (hai tỉ hai trăm chín mươi lăm triệu đồng); số tiền lãi 20% mà vợ chồng B, M đã nhận của những người vay là 53.137.007 đồng (năm mươi ba triệu một trăm ba mươi bảy nghìn không trăm linh bảy đồng), để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc chị Q1 phải nộp số tiền vay của vợ chồng B, M chưa trả là 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc chị Đ3 phải nộp số tiền vay của vợ chồng B, M chưa trả là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc chị T4 phải nộp số tiền vay của vợ chồng B, M chưa trả là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc chị M5 phải nộp số tiền vay của vợ chồng B, M chưa trả là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh T6 phải nộp số tiền vay của vợ chồng B, M chưa trả là 45.000.000 đồng (bốn lăm triệu đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh T7 phải nộp số tiền vay của vợ chồng B, M chưa trả là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc chị T8 phải nộp số tiền vay của vợ chồng B, M chưa trả là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc chị M9 phải nộp số tiền vay của vợ chồng B, M chưa trả là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc ông H10 phải nộp số tiền vay của vợ chồng B, M chưa trả là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc chị H11 phải nộp số tiền vay của vợ chồng B, M chưa trả là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc chị N13 phải nộp số tiền vay của vợ chồng B, M chưa trả là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc chị N14 phải nộp số tiền vay của vợ chồng B, M chưa trả là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

#### 5. Về án phí:

- Án phí hình sự: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo B và M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự: Buộc vợ chồng B và M phải nộp 3.993.000 đồng án phí về việc hoàn trả lại tiền cho chị Q1; phải nộp 3.239.000 đồng án phí về việc hoàn trả lại tiền cho Đ3 và phải nộp 738.000 đồng án phí về việc hoàn trả lại tiền cho chị M5.

Bị cáo B và bị cáo M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Q1, anh C2, chị Đ3, chị T4, chị M5, anh T6, anh T7, chị T8, chị M9, ông H10, chị H11, chị N13, anh T12, chị N14 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### Nơi nhận:

- TANDT7Ninh Bình
- VKSNDT7Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- Bị cáo,
- Người liên quan
- Chi cục THA
- Công an huyện YK
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

**Bùi Văn Lực**